

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2017

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 443/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 344 đường Nguyễn Đình Chiểu, khu phố 7, phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 6, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Phi Đ trình bày:

Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A qua quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 02 năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng mà nguyên nhân là do vợ chồng không thấu hiểu cho nhau, bà A không quan tâm đến ông Đ, xem thường gia đình bên chồng từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, kéo dài nên ông Đ và bà A đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2016 đến nay.

Nay ông Nguyễn Phi Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú A.

Về con chung: Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 11-9-2012 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09-12-2014. Ông Nguyễn Phi Đ đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Tú A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung là cháu Q và cháu T và ông Đ đồng ý cấp dưỡng để bà Nguyễn Thị Tú A nuôi dưỡng 02 người con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q và cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Phi Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 13-02-2017, bà Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tú A đồng ý với trình bày của ông Nguyễn Phi Đ về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà Nguyễn Thị Tú A và ông Nguyễn Phi Đ tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 02 năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng mà nguyên nhân là do ông Đ không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm lo lắng cho vợ con, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nên hai người đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2016 đến nay. Do không còn tình cảm nên bà A đã yêu cầu ông Đ làm đơn ly hôn vì lý do bà A theo đạo công giáo không làm đơn ly hôn và cũng không thể ký vào đơn ly hôn được. Nay ông Nguyễn Phi Đ yêu cầu ly hôn thì bà Nguyễn Thị Tú A yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tú A và ông Nguyễn Phi Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 11-9-2012 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09-12-2014. Bà Nguyễn Thị Tú A xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng để bà A nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú Q và cháu Nguyễn Ngọc Anh T mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tú A tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách

tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Phi Đ chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tú A đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng bà A vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phi Đ; Về con chung cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa ông Đ và bà A cụ thể là bà A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Q và cháu T; Ông Đ cấp dưỡng để bà A nuôi 02 người con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q và cháu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Tú A là xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 29-6-2017, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Tú A vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 14-7-2017 nhưng tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tú A vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do còn ông Nguyễn Phi Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tú A và ông Nguyễn Phi Đ là đúng theo quy định tại các khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 02 năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài mặc dù ông Đ và bà A đã tìm cách hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả nên ông Đ và bà A đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2016 đến nay.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của ông Đ, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để ông Đ và bà A hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng bà

Anh đều vắng mặt điều đó cho thấy bà A không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tình trạng hôn nhân thì bà A cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nhưng do theo đạo nên bà A không thể nộp đơn yêu cầu ly hôn và cũng không thể ký đơn ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Phi Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú A.

[3] *Về quan hệ con chung*: Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 11- 9 - 2012 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09 – 12 - 2014. Hiện cháu Q và cháu T đang sống chung với bà A. Bà Nguyễn Thị Tú A xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng để bà A nuôi dưỡng 02 người con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) và ông Nguyễn Phi Đ cũng đồng ý với yêu cầu của bà A nên cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận giao 02 người con chung là cháu Q và cháu T cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ cấp dưỡng để bà A nuôi dưỡng 02 người con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Phi Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Phi Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú A.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 11- 9 - 2012 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09 - 12 - 2014.

Bà Nguyễn Thị Tú A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú Q và cháu Nguyễn Ngọc Anh T.

Ông Nguyễn Phi Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng để bà A nuôi dưỡng 02 người con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Phi Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Phi Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000đ đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001487 ngày 19-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Ông Nguyễn Phi Đ còn phải nộp tiếp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết, ông Nguyễn Phi Đ và bà Nguyễn Thị Tú A có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án ,quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND.tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thanh Túy